

Số: 06/2006/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế thẩm định điều ước quốc tế

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2003 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Để thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1815/VP-QHQT ngày 05 tháng 4 năm 2006 giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, ban hành theo thẩm quyền Quy chế thẩm định điều ước quốc tế căn cứ theo các quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thẩm định điều ước quốc tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP,
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Ban XDPL - Văn Phòng Chính phủ (để kiểm tra),
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp,
- Công báo,
- Lưu: VP, Vụ PLQT (5b).

BỘ TRƯỞNG

Uông Chu Lưu

QUY CHẾ THẨM ĐỊNH ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06 /2006/QĐ-BTP
ngày 24 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với việc thẩm định các dự thảo điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước và Chính phủ theo quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế.

Quy chế này cũng áp dụng đối với việc thẩm định các điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập.

Điều 2. Thẩm định điều ước quốc tế

Thẩm định dự thảo điều ước quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập (sau đây gọi chung là điều ước quốc tế) là hoạt động nghiên cứu, xem xét, đánh giá về nội dung và hình thức của điều ước quốc tế nhằm bảo đảm tính hợp hiến, mức độ tương thích của điều ước quốc tế với các quy định của pháp luật Việt Nam; xem xét, đánh giá về khả năng áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế tại Việt Nam và kiến nghị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế.

Điều 3. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp và cơ quan đề xuất đàm phán, ký hoặc gia nhập điều ước quốc tế trong việc thẩm định điều ước quốc tế

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định điều ước quốc tế khi nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định của cơ quan đề xuất đàm phán, ký hoặc đề xuất gia nhập điều ước quốc tế theo quy định tại các điều từ Điều 17 đến Điều 21 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế.

2. Cơ quan đề xuất đàm phán, ký hoặc gia nhập điều ước quốc tế trước khi đàm phán, ký hoặc gia nhập điều ước quốc tế phải lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư

pháp bằng văn bản. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong quá trình thẩm định, cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết hoặc tham gia các cuộc họp về thẩm định điều ước quốc tế do Bộ Tư pháp tổ chức và giải trình các vấn đề có liên quan đến điều ước quốc tế.

Điều 4. Phụ trách công tác thẩm định

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp phụ trách chung công tác thẩm định điều ước quốc tế, đảm bảo chất lượng và thời hạn thẩm định theo quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế.

2. Thứ trưởng Bộ Tư pháp phụ trách công tác pháp luật quốc tế giúp Bộ trưởng thực hiện công tác thẩm định trong các lĩnh vực theo sự phân công của Bộ trưởng. Đối với điều ước quốc tế có nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến đường lối, chính sách đối ngoại và các vấn đề quan trọng khác, thì Thứ trưởng phụ trách công tác pháp luật quốc tế báo cáo Bộ trưởng theo Quy chế làm việc của Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Quyết định số 220/2005/QĐ-BTP ngày 14 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Quy chế làm việc của Bộ Tư pháp).

Điều 5. Chủ trì và phối hợp thẩm định

1. Vụ Pháp luật quốc tế, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan của Bộ Tư pháp tổ chức thẩm định điều ước quốc tế, bảo đảm chất lượng và thời hạn theo quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế.

2. Trong trường hợp việc thẩm định điều ước quốc tế đòi hỏi phải có sự tham gia của các nhà chuyên môn thuộc các cơ quan, tổ chức ngoài Bộ Tư pháp, thì Thứ trưởng phụ trách công tác pháp luật quốc tế căn cứ vào tính chất và nội dung được quy định trong điều ước quốc tế mà quyết định mời một hoặc một số chuyên gia ngoài Bộ phối hợp thẩm định. Các chuyên gia được mời phối hợp thẩm định có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản với Vụ Pháp luật quốc tế trong thời hạn được đề nghị.

Điều 6. Hội đồng thẩm định

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập Hội đồng thẩm định điều ước quốc tế trong các trường hợp sau đây:

1. Trường hợp giữa cơ quan đề xuất đàm phán, ký hoặc gia nhập và Bộ Ngoại giao hoặc Bộ, ngành khác liên quan đến điều ước quốc tế còn nhiều ý kiến khác nhau;

2. Các điều ước quốc tế do Bộ Tư pháp đề xuất đàm phán, ký hoặc gia nhập.

Điều 7. Nội dung thẩm định điều ước quốc tế

Nội dung thẩm định điều ước quốc tế bao gồm:

1. Tính hợp hiến;
2. Mức độ tương thích với các quy định của pháp luật Việt Nam;
3. Khả năng áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế;
4. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế.

Điều 8. Nội dung văn bản thẩm định của Bộ Tư pháp

Văn bản thẩm định điều ước quốc tế phải có các nội dung sau:

1. Sự cần thiết của việc đàm phán, ký hoặc gia nhập điều ước quốc tế;
2. Tính hợp hiến của điều ước quốc tế;
3. Mức độ tương thích của nội dung điều ước quốc tế với các quy định của pháp luật Việt Nam;
4. Khả năng áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế tại Việt Nam;
5. Khả năng phải phải sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế;
6. Ý kiến của Bộ Tư pháp về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau và phương án xử lý;
7. Các nội dung khác, nếu xét thấy cần thiết.

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp trong việc đảm bảo công tác thẩm định

1. Văn phòng Bộ có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ gửi thẩm định; số lượng hồ sơ, công văn, tài liệu thẩm định; theo dõi tiến độ, kết quả thẩm định; tổ chức việc gửi, lưu trữ,

bảo quản công văn, hồ sơ thẩm định sau khi Vụ Pháp luật quốc tế chuyển hồ sơ được thẩm định cho Văn Phòng Bộ theo quy định của pháp luật;

b) Đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất phục vụ việc thẩm định, bố trí phòng họp, cung cấp văn phòng phẩm, các điều kiện cần thiết khác cho việc thẩm định.

2. Vụ Pháp luật quốc tế có trách nhiệm bảo đảm chất lượng và thời gian thẩm định.

3. Viện Khoa học pháp lý bảo đảm hỗ trợ Vụ Pháp luật quốc tế và các đơn vị liên quan trong khai thác, sử dụng tài liệu, cơ sở dữ liệu pháp luật để phục vụ cho công tác thẩm định.

4. Các đơn vị có liên quan và các chuyên gia được mời trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bảo đảm việc phối hợp, hỗ trợ Vụ Pháp luật quốc tế thẩm định theo quy định.

Chương II **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**

Mục 1 **HỒ SƠ THẨM ĐỊNH**

Điều 10. Hồ sơ đề nghị thẩm định

1. Cơ quan đề xuất đàm phán, ký hoặc gia nhập điều ước quốc tế có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp Hồ sơ đề nghị thẩm định theo Khoản 2 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định. Văn bản này được làm theo quy định về công văn của các cơ quan nhà nước, đặc biệt trong đó có đánh giá tính hợp hiến, mức độ tương thích giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam; khả năng áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế;-

b) Dự thảo Tờ trình Chính phủ về việc đàm phán, ký hoặc gia nhập điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 14 Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế;

c) Bản sao điều ước quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài ; trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch điều ước quốc tế ra tiếng Việt kèm theo ;

d) Bản tổng hợp ý kiến và bản sao công văn của Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức hữu quan góp ý kiến về điều ước quốc tế đó;

đ) Các tài liệu khác cần thiết cho việc thẩm định điều ước quốc tế.

Số lượng tài liệu quy định tại Khoản này là 05 bộ.

3. Hồ sơ thẩm định các điều ước quốc tế do Bộ Tư pháp đề xuất đàm phán, ký hoặc gia nhập gửi Hội đồng thẩm định được lập theo quy định tại khoản 1 Điều này. Số lượng hồ sơ gửi Hội đồng thẩm định theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 11. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ thẩm định

1. Văn phòng Bộ có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ thẩm định gửi Bộ Tư pháp. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đủ các loại tài liệu và đủ số lượng theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

Trong trường hợp hồ sơ thẩm định chưa hợp lệ, Chánh Văn phòng Bộ thừa lệnh Bộ trưởng ký Công văn yêu cầu cơ quan đề nghị thẩm định hoàn thiện hồ sơ. Thời gian thẩm định được tính từ ngày Bộ Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Văn phòng Bộ có trách nhiệm chuyển hồ sơ thẩm định đến Vụ Pháp luật quốc tế và các đơn vị có liên quan theo Quy chế làm việc của Bộ Tư pháp.

Mục 2

TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU, THẨM ĐỊNH ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ TẠI BỘ TƯ PHÁP

Điều 12. Nghiên cứu, thẩm định dự thảo điều ước quốc tế

1. Sau khi nhận được hồ sơ thẩm định, Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế phân công một Lãnh đạo Vụ trực tiếp phụ trách việc thẩm định cùng một nhóm chuyên viên nghiên cứu hồ sơ.

2. Nhóm chuyên viên nghiên cứu phải có ít nhất 3 người, trong đó 1 chuyên viên chính chủ trì việc chuẩn bị báo cáo thẩm định để trình ra cuộc họp thẩm định

và chuẩn bị văn bản thẩm định. Trong quá trình nghiên cứu, thẩm định, các chuyên viên phải bảo đảm có sự trao đổi, hỗ trợ lẫn nhau, bảo đảm thảo luận tập thể.

3. Trong trường hợp cần thiết, Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế hoặc Phó Vụ trưởng trực tiếp phụ trách (sau đây gọi chung là Lãnh đạo Vụ Pháp luật quốc tế) chủ động liên hệ với cơ quan đề nghị thẩm định cung cấp thêm thông tin và tài liệu cần thiết cho việc thẩm định. Nếu cần có thêm thông tin về các điều ước quốc tế khác có liên quan đến hồ sơ thẩm định, thì Lãnh đạo Vụ Pháp luật quốc tế chủ động liên hệ với Bộ Ngoại giao hoặc các cơ quan hữu quan để trao đổi và đề nghị cung cấp tài liệu.

4. Trong trường hợp cần thiết, Lãnh đạo Vụ Pháp luật quốc tế báo cáo Lãnh đạo Bộ Tư pháp đề nghị tổ chức cuộc họp liên tịch với sự tham gia của đại diện cơ quan đề nghị thẩm định, đại diện Bộ Ngoại giao và đại diện các cơ quan, tổ chức hữu quan khác để thảo luận, trao đổi ý kiến về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau trước khi làm văn bản thẩm định.

5. Thủ trưởng đơn vị được phân công phối hợp thẩm định có trách nhiệm tổ chức việc nghiên cứu điều ước quốc tế trong đơn vị mình và gửi ý kiến tham gia thẩm định bằng văn bản cho Vụ Pháp luật quốc tế trong thời hạn chậm nhất là 04 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu góp ý kiến tham gia thẩm định. Trong trường hợp cần có thời gian dài hơn để chuẩn bị kỹ hơn ý kiến tham gia thẩm định thì Lãnh đạo đơn vị được phân công phối hợp thông báo cho Vụ Pháp luật quốc tế biết và kiến nghị thời hạn hợp lý cần được kéo dài thêm.

Điều 13. Trình Lãnh đạo Bộ dự thảo văn bản thẩm định

1. Trong thời hạn 08 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định, Vụ Pháp luật quốc tế trình dự thảo văn bản thẩm định điều ước quốc tế lên Lãnh đạo Bộ.

2. Trong trường hợp cần thiết, Lãnh đạo Bộ tổ chức họp với Lãnh đạo Vụ Pháp luật quốc tế để nghe báo cáo về việc thẩm định điều ước quốc tế. Các đơn vị được phân công phối hợp thẩm định có trách nhiệm cử đại diện tham gia cuộc họp với Lãnh đạo Bộ để tham gia ý kiến về thẩm định điều ước quốc tế.

Thư ký Lãnh đạo Bộ có trách nhiệm sắp xếp lịch họp và thông báo tới các đơn vị có liên quan.

3. Tại cuộc họp thẩm định, Lãnh đạo Vụ Pháp luật quốc tế trình bày nội dung cơ bản của điều ước quốc tế, cung cấp những thông tin liên quan đến điều ước quốc tế, phát biểu ý kiến về những vấn đề thuộc nội dung thẩm định và đề xuất hướng giải quyết những vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan.

4. Ngay sau khi nhận được kết luận của Lãnh đạo Bộ về thẩm định điều ước quốc tế, Vụ Pháp luật quốc tế có trách nhiệm chỉnh lý văn bản thẩm định để trình Lãnh đạo Bộ ký.

Mục 3

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH TRONG TRƯỜNG HỢP THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Điều 14. Thành phần Hội đồng thẩm định

1. Thành phần Hội đồng thẩm định trong các trường hợp được quy định tại Điều 6 của Quy chế này bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Trong trường hợp Bộ trưởng vì lý do công tác không thể chủ trì thì Chủ tịch Hội đồng là Thứ trưởng do Bộ trưởng chỉ định theo Quy chế làm việc của Bộ Tư pháp;

b) Thư ký Hội đồng thẩm định là Vụ trưởng hoặc Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế;

c) Các thành viên Hội đồng gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành có liên quan.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định danh sách cụ thể các thành viên của Hội đồng thẩm định theo đề nghị của các Bộ, ngành liên quan. Căn cứ vào tính chất, nội dung của điều ước quốc tế, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định việc mời các chuyên gia, các nhà khoa học tham gia Hội đồng thẩm định.

2. Số lượng thành viên Hội đồng thẩm định ít nhất là 7 người, trong đó đại diện Bộ Tư pháp chiếm không quá một phần hai và không bao gồm đại diện đơn vị đề nghị thẩm định.

3. Văn phòng Bộ có trách nhiệm sao gửi Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cùng hồ sơ thẩm định tới từng thành viên của Hội đồng.

Điều 15. Cuộc họp của Hội đồng thẩm định

1. Cuộc họp thẩm định điều ước quốc tế do Chủ tịch Hội đồng thẩm định triệu tập và chủ tọa trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tư pháp gửi hồ sơ thẩm định đến Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

Cuộc họp của Hội đồng thẩm định chỉ được tiến hành trong trường hợp có mặt ít nhất là hai phần ba tổng số thành viên của Hội đồng thẩm định. Trong trường hợp không thể tham dự cuộc họp, Thành viên Hội đồng thẩm định gửi Chủ tịch Hội đồng thẩm định văn bản về ý kiến thẩm định của mình.

Cuộc họp của Hội đồng thẩm định được tiến hành theo trình tự sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng thẩm định tuyên bố lý do cuộc họp;
- b) Đại diện đơn vị đề nghị thẩm định trình bày nội dung cơ bản của điều ước quốc tế và các thông tin cần thiết khác;
- c) Thành viên Hội đồng thảo luận, tập trung vào những nội dung thẩm định theo quy định tại Điều 18 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế;
- d) Thư ký Hội đồng thẩm định đọc ý kiến của những thành viên Hội đồng thẩm định vắng mặt;
- d) Hội đồng biểu quyết về từng vấn đề.

2. Thành viên Thư ký Hội đồng thẩm định có trách nhiệm ghi Biên bản cuộc họp của Hội đồng thẩm định. Biên bản phải ghi đầy đủ các ý kiến phát biểu tại cuộc họp và phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thẩm định. Những ý kiến được quá nửa tổng số thành viên Hội đồng có mặt tán thành thì được coi là ý kiến của Hội đồng; nếu các thành viên Hội đồng có mặt có ý kiến ngang nhau thì ý kiến của phía có Chủ tịch Hội đồng được coi là ý kiến của Hội đồng; những vấn đề chưa được Hội đồng nhất trí cũng phải được ghi rõ trong Biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp phải được Chủ tịch Hội đồng thẩm định và Thư ký Hội đồng thẩm định ký.

Điều 16. Chuẩn bị văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định

Trên cơ sở Biên bản cuộc họp của Hội đồng thẩm định, Thư ký Hội đồng thẩm định có trách nhiệm chuẩn bị dự thảo văn bản thẩm định để trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định. Thư ký Hội đồng thẩm định có trách nhiệm phối hợp với Chánh Văn phòng Bộ Tư pháp gửi Biên bản cuộc họp và văn bản thẩm định đến Văn phòng Chính phủ và Bộ Ngoại giao theo quy định.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Lưu giữ hồ sơ thẩm định và theo dõi công tác thẩm định

1. Hồ sơ thẩm định, biên bản cuộc họp thẩm định, văn bản thẩm định và các tài liệu có liên quan khác được lưu giữ theo quy định về lưu giữ tài liệu cơ quan Bộ Tư pháp.

2. Vụ Pháp luật quốc tế có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản một bộ hồ sơ, tài liệu thẩm định nhằm bảo đảm thuận tiện cho công tác nghiên cứu, tra cứu hồ sơ khi cần thiết.

3. Chánh Văn phòng Bộ có trách nhiệm theo dõi tiến độ và tình hình thực hiện công tác thẩm định điều ước quốc tế; quản lý Sổ theo dõi thẩm định điều ước quốc tế; hàng tháng tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ về kết quả thẩm định điều ước quốc tế.

Điều 18. Kinh phí thẩm định

1. Kinh phí thẩm định điều ước quốc tế được bố trí trong ngân sách hàng năm của Bộ Tư pháp.

2. Căn cứ vào mức chi thẩm định điều ước quốc tế của năm trước, Vụ Pháp luật quốc tế lập dự toán tổng kinh phí thẩm định điều ước quốc tế cho năm tiếp theo và gửi Vụ Kế hoạch – Tài chính và Văn phòng Bộ vào đầu Quý IV hàng năm theo quy định.

3. Văn phòng Bộ căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành thực hiện việc cấp kinh phí, bảo đảm công tác thẩm định điều ước quốc tế.

Điều 19. Thẩm định điều ước quốc tế trong trường hợp khẩn

Trong trường hợp việc ký điều ước quốc tế phải được tiến hành trong một thời gian ngắn hơn quy định của Quy chế này, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp tiến hành thẩm định đối với điều ước quốc tế đó trong thời hạn sớm nhất có thể được. Việc thẩm định trong trường hợp này được thực hiện không tuân theo quy định của Quy chế này mà theo chỉ đạo trực tiếp của Lãnh đạo Bộ.

Điều 20. Thẩm định bổ sung những nội dung mới phát sinh trong quá trình đàm phán điều ước quốc tế

1. Trong quá trình đàm phán điều ước quốc tế sau khi được Bộ Tư pháp thẩm định, nếu phát sinh những vấn đề mới thuộc nội dung cam kết của Việt Nam có thể dẫn đến kết quả phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện cam kết đó, thì cơ quan đề xuất đàm phán làm Hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định bổ sung những nội dung mới phát sinh.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm các văn bản, tài liệu được quy định tại điểm a, c, d, đ Khoản 1 Điều 10 của Quy chế này. Số lượng hồ sơ đề nghị thẩm định là 01 bộ.

3. Thời gian thẩm định không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

Điều 21. Bảo đảm bí mật nhà nước

Trong quá trình thẩm định điều ước quốc tế, các thông tin, tài liệu có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước phải được lưu giữ, bảo quản theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 22. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cán bộ, công chức có thành tích trong công tác thẩm định điều ước quốc tế được Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức vi phạm quy định của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật./.

BỘ TRƯỞNG



Uông Chu Lưu